

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA.**

Bản án số: 11/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ- TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân
2. Ông Nguyễn Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2017/ TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018 ngày 29/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Phố A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th - Sinh năm 1976

Địa chỉ: Phố P, phường S, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2008 tại UBND phường S, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Năm 2009 do vi phạm pháp luật nên anh Th phải đi chấp hành hình phạt tù. Chị L bế con về nhà mẹ đẻ ở tại phường Đ, thành phố H. Năm 2010 anh Th ra trại nhưng không đến thăm mẹ con chị, vợ chồng cũng không liên lạc gì với

nhau. Anh, Chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay chị L xác định tình cảm giữa chị và anh Th không còn, nên đề nghị Toà án nhân dân thành phố H giải quyết cho Chị được ly hôn anh Đỗ Văn Th.

Về con chung: Chị L và anh Th có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Huyền Tr, sinh ngày 31/7/2008. Hiện nay cháu đang ở với Chị. Nguyên vọng của Chị khi hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và không yêu cầu anh Th phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Đỗ Văn Th và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Triệu tập anh Th đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên hoà giải. Anh Th từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng giao cho anh Th theo quy định của pháp luật. Mặc dù nhận được thông báo hợp lệ nhưng anh Th không có văn bản trả lời, cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị L và anh Th. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Chị Lê Thị L và anh Đỗ Văn Th có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phố P, phường S nhưng không hạnh phúc và vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Từ khi anh Th phải đi chấp hành hình phạt tù về tội đánh nhau thì chị L bế con về nhà mẹ đẻ tại xã Đ ở. Sau khi anh Th ra trại, anh Th và chị L vẫn không chung sống cùng nhau. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, anh Th đang có mặt tại địa phương và vẫn sinh sống tại phố P, phường S. Anh Th làm nghề thợ xây, sáng đi tối về. Anh Th và chị L có 01 con chung, chị L bế con đi từ năm 2009 đến nay và cháu vẫn ở cùng chị L tại nhà mẹ đẻ. Nay chị L có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng anh Th không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L.
Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Huyền Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.
Về tài sản không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Văn Th vắng mặt, anh Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị L đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án, nên Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh Th là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Đỗ Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không hợp, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Sau khi anh Th đi chấp hành hình phạt tù về vẫn không quan tâm đến vợ con, anh chị không liên lạc với nhau, vợ chồng sống ly thân, hai bên không còn tình cảm với nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị L và anh Th đã thực sự không còn tình cảm với nhau. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị L nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn anh Th. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L về việc xin ly hôn anh Đỗ Văn Th.

[3] Về con chung: Chị L và anh Th có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Huyền Tr, sinh ngày 31/7/2008. Hiện nay cháu đang còn nhỏ và ở với chị L. Nguyên vọng của chị L khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huyền Tr. Chị L có thu nhập ổn định nên có đủ khả năng nuôi dưỡng con, chị L không yêu cầu anh Th phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Th không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến về con chung. Cháu Tr còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Tại bản tự khai, cháu Đỗ Thị Huyền Tr khai lâu nay cháu với mẹ ở nhà bà ngoại còn bố cháu ở nhà bà nội. Bố cháu không đến thăm cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ. Thấy đây là nguyện vọng

chính đáng của cháu và để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, yêu cầu của chị L là chính đáng, do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

[4] Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn Th.

- Về con chung: Công nhận chị Lê Thị L và anh Đỗ Văn Th có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Huyền Tr, sinh ngày 31/7/2008. Giao cháu Huyền Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004585 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H (Chị L đã nộp đủ án phí).

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đỗ Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường S;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh

